

BÁO CÁO

Tình hình xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008

Thực hiện Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg, ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước, UBND tỉnh Đắk Lắk báo cáo kết quả thực hiện như sau:

1. Kết quả xây dựng và áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008

a) Tình hình ban hành văn bản, phê duyệt kế hoạch, dự trù kinh phí triển khai thực hiện:

- Chỉ thị số 03/CT-UBND, ngày 11/3/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc nâng cao Chỉ số cạnh tranh (PAR INDEX) trên địa bàn tỉnh trong đặt mục tiêu đến năm 2015 có 70% cơ quan hành chính cấp xã xây dựng và công bố HTQLCL phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008.

- Quyết định số 3033/QĐ-UBND, ngày 13/11/2015 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2016. Trong đó mục tiêu đến cuối năm 2016 có 40% cơ quan hành chính cấp xã xây dựng và công bố HTQLCL phù hợp Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2008.

- Kế hoạch số 19/KH-SKHCN, ngày 02/3/2016 về xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk năm 2016.

Tính đến tháng 10/2016 toàn tỉnh Đắk Lắk đã có 106 cơ quan hành chính nhà nước đã tự công bố HTQLCL phù hợp tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008, bao gồm (danh sách chi tiết theo phụ lục đính kèm):

- + Sở, ngành: 20 cơ quan.
- + Chi cục: 13 cơ quan (Chi cục Lâm nghiệp mới sáp nhập vào Chi cục Kiểm lâm).
- + UBND huyện, thị xã, thành phố: 15.
- + Các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện: 18 cơ quan.
- + 40 UBND xã, phường, thị trấn thuộc thành phố Buôn Ma Thuột, thị xã Buôn Hồ và huyện Krông Búk (chiếm tỉ lệ $40/187 = 21.4\%$).

+ Sở Khoa học và Công nghệ đã tiếp tục tổ chức Hội đồng xét duyệt đề cương và cấp kinh phí xây dựng, áp dụng HTQLCL cho 33 UBND cấp xã thuộc 02 huyện Cư M'gar (17) và Krông Pắc (16). Dự kiến đến tháng 01/2017 sẽ có 73 UBND cấp xã trên

địa bàn tỉnh hoàn thành việc xây dựng, áp dụng và công bố HTQLCL phù hợp Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2008 (chiếm tỉ lệ 39.7 %).

- Kinh phí được cấp qua các năm: (triệu đồng)

+ Năm 2011: 1.350.

+ Năm 2012: 1.450.

+ Năm 2013: 1.883.

+ Năm 2014: 300.

+ Năm 2015: 850.

+ Năm 2016: 1810 (trong đó kinh phí năm 2016 được cấp từ đầu năm là 810 và tạm ứng kinh phí năm 2017 thêm 1.000 theo Quyết định số 2350/QĐ-UBND, ngày 11/8/2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk).

b) Kết quả cụ thể: (có phụ lục đính kèm).

2. Đánh giá, nhận xét

a) Tự đánh giá về hiệu quả của việc áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2008 tại các cơ quan:

- Việc áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2008 trong các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh nhìn chung đã thúc đẩy cả hệ thống làm việc tốt, tạo được cách làm việc khoa học, tạo sự nhất quán trong công việc, chuẩn hóa các quy trình giải quyết thủ tục hành chính và quy trình nội bộ, góp phần rút ngắn thời gian giải quyết TTHC, giảm những sai lỗi hoặc sai sót trong công việc, đồng thời làm cho năng lực trách nhiệm, ý thức của cán bộ công chức nâng lên rõ rệt, góp phần vào công cuộc cải cách hành chính của tỉnh nhà.

- Một số đơn vị, chủ yếu UBND cấp huyện, xã có hiệu quả áp dụng HTQLCL chưa cao như mong muốn.

b) Tình hình xử lý vi phạm đối với hoạt động xây dựng, áp dụng, duy trì HTQLCL theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2008 tại các cơ quan, đơn vị:

Không.

c) Nhận xét về hoạt động tư vấn của các tổ chức tư vấn, chuyên gia tư vấn; hoạt động phối hợp kiểm tra của tổ chức chứng nhận, chuyên gia đánh giá:

- Nhìn chung, các tổ chức tư vấn, chuyên gia tư vấn xây dựng, áp dụng HTQLCL đều có năng lực tư vấn cơ bản đáp ứng được yêu cầu.

- Năm 2016, Sở Khoa học và Công nghệ không thuê tổ chức chứng nhận, chuyên gia đánh giá phối hợp trong hoạt động kiểm tra HTQLCL tại các CQHCCN.

d) Nêu những thuận lợi, khó khăn và những vấn đề tồn tại trong việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 tại các cơ quan, đơn vị, phân tích nguyên nhân:

- Về phía cơ quan, đơn vị đã và đang xây dựng, áp dụng HTQLCL:

+ Việc các tổ chức tư vấn là các tổ chức ngoài tỉnh, không thuận lợi trong sự trao đổi thường xuyên, học hỏi của các CQHCNN trên địa bàn tỉnh với đơn vị tư vấn gây ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả của hoạt động xây dựng và áp dụng HTQLCL của các CQHCNN.

+ Việc xây dựng, áp dụng HTQLCL chưa nhận được sự quan tâm đúng mức của đa số người đứng đầu các CQHCNN.

+ Các văn bản quy phạm pháp luật có sự điều chỉnh, thay đổi thường xuyên, ảnh hưởng đến việc thay đổi tài liệu của hệ thống.

+ Một bộ phận cán bộ công chức hiểu biết về tiêu chuẩn này còn mơ hồ, có tâm lý ngại thay đổi.

- Về phía đơn vị chủ trì giúp việc triển khai thực hiện Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg:

+ Sở Khoa học và Công nghệ nhận được sự quan tâm, chỉ đạo thường xuyên của UBND tỉnh trong việc tham mưu, giúp việc cho UBND tỉnh triển khai HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 trong các CQHCNN.

+ Hàng năm Sở Khoa học và Công nghệ cũng đã tổ chức các khóa tập huấn nâng cao nhận thức, kỹ năng áp dụng, duy trì, cải tiến HTQLCL cho các CQHCNN đã công bố phù hợp trên địa bàn tỉnh.

- Về tình hình kiểm tra hoạt động xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL tại các cơ quan, đơn vị:

+ Việc kiểm tra nhận được sự hợp tác của đơn vị chịu sự kiểm tra.

+ Qua kiểm tra trực tiếp tại trụ sở cơ quan của 32 CQHCNN cho thấy một số đơn vị vẫn chưa thực hiện tốt các yêu cầu của Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2008, như chưa ban hành kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng, chưa thực hiện đánh giá nội bộ, việc cập nhật các thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật vào tài liệu hệ thống chưa kịp thời...

+ Sở Khoa học và Công nghệ đã hướng dẫn và yêu cầu các đơn vị khắc phục các điểm lưu ý phát hiện trong quá trình kiểm tra.

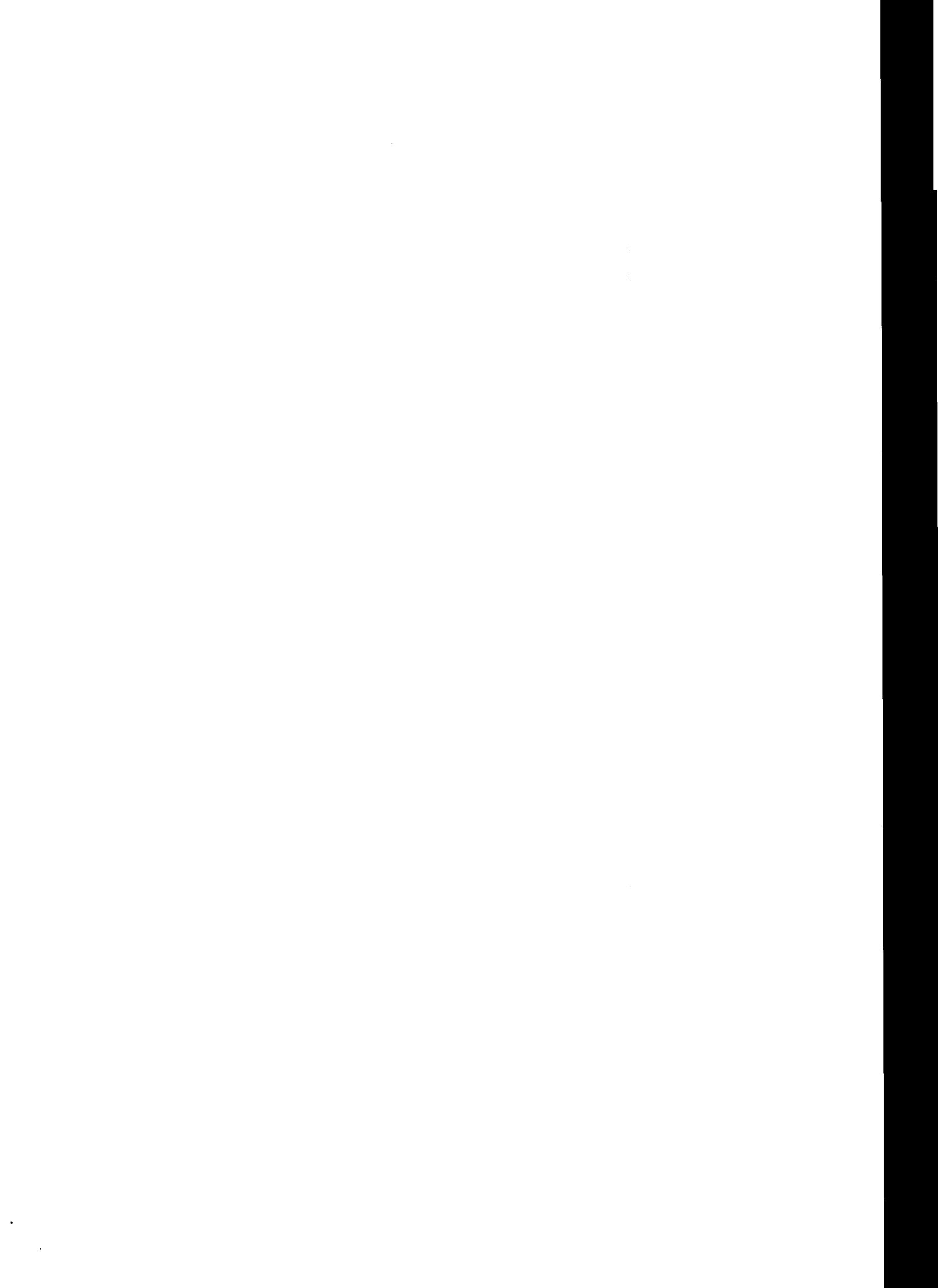
UBND tỉnh Đắk Lắk báo cáo tình hình xây dựng và áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh để Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ. / *z*

Nơi nhận *z*

- Bộ KH&CN (b/c);
- Tổng cục TCĐLCL;
- CT, PCT UBND tỉnh đ/c Ninh);
- CVP, P.CVP UBND tỉnh (đ/c Nguyễn);
- Các Sở: KH&CN, Nội vụ;
- Phòng TH;
- Lưu: VT, KGVX (T.14b).



Nguyễn Hải Ninh
Nguyễn Hải Ninh



Phụ lục:

Kết quả xây dựng và áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

(Kèm theo báo cáo số 19 /BC-UBND ngày 24/04/2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

TT	Tên cơ quan	Địa chỉ liên hệ	Tên tổ chức tư vấn, chuyên gia tư vấn (nếu có)	Số lượng TTHC đã xây dựng và áp dụng HTQLCL	Tình hình công bố HTQLCL phù hợp TCVN ISO 9001:2008		Kết quả kiểm tra		Ghi chú
					Đã công bố	Chưa công bố	Đáp ứng yêu cầu	Chưa đáp ứng yêu cầu	
1.	Văn phòng UBND tỉnh	0 Lê Duẩn, TP. Buôn Ma Thuột	KIS	17		X	X		Chưa công bố lại khi có sự thay đổi
2.	Cục Thuế tỉnh	12 Lý Thái Tổ, TP. Buôn Ma Thuột	KIS	32	X		X		
3.	Sở Công Thương	47 Nguyễn Tất Thành, TP. Buôn Ma Thuột	KIS	101	X		X		
4.	Sở Tài nguyên và Môi trường	46 Phan Bội châu, TP. Buôn Ma Thuột	KIS	69	X		X		
5.	Sở Y tế	70 Lê Duẩn, TP. Buôn Ma Thuột	KIS	50	X		X		
6.	Sở Ngoại vụ	16 Lý Thái Tổ, TP. Buôn Ma Thuột	KIS	03		X	X		Chưa công bố lại khi có sự thay đổi
7.	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	23 Trường Chinh, TP. Buôn Ma Thuột	KIS	28	X		X		

8.	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	18 Nguyễn Tất Thành, TP. Buôn Ma Thuột	KIS	95	X			X	
9.	Thanh tra tỉnh	32 Lê Thị Hồng Gấm, TP. Buôn Ma Thuột	KIS	12	X		X		
10.	Sở Khoa học và Công nghệ	15A Trường Chinh, TP. Buôn Ma Thuột	KIS	51	X		X		
11.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	07 Lê Duẩn, TP. Buôn Ma Thuột	KIS	89	X		X		
12.	Sở Tư pháp	04 Trường Chinh, TP. Buôn Ma Thuột	KIS	85	X		X		
13.	Sở Giao thông vận tải	07 Đinh Tiên Hoàng, TP. Buôn Ma Thuột	KIS	13	X		X		
14.	Sở Thông tin & Truyền thông	08 Lý Thái Tổ, TP. Buôn Ma Thuột	KIS	31		X	X		Chưa công bố lại khi có sự thay đổi
15.	Sở Nông nghiệp và PTNT	49 Nguyễn Tất Thành, TP. Buôn Ma Thuột	KIS	03	X		X		
16.	Sở Xây dựng	15 Hùng Vương, TP.BMT	KIS	57		X	X		Chưa công bố lại khi có sự thay đổi
17.	Sở Giáo dục và Đào tạo	08 Nguyễn Tất Thành, TP. Buôn Ma Thuột	KIS	26	X		X		
18.	Sở Nội vụ	06 Lý Thái Tổ, TP. Buôn Ma Thuột	KIS	39	X		X		
19.	Sở Tài chính	07 Nguyễn Tất Thành, TP. Buôn Ma Thuột	KIS	33	X		X		
20.	Ban QL các KCN tỉnh	07 Trường Chinh, TP. Buôn Ma Thuột	KIS	20	X		X		

21.	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	11 Hùng Vương, TP. Buôn Ma Thuột	KIS	05	X		X		
22.	Chi cục QLCL nông lâm thủy sản	Km 9, QL 14, TP. Buôn Ma Thuột	KIS	09		X	X		Chưa công bố lại khi có sự thay đổi
23.	Chi cục Kiểm lâm	49 Hùng Vương, TP. Buôn Ma Thuột	KIS	25		X	X		Chưa công bố lại khi có sự thay đổi
24.	Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão	49 Nguyễn Tất Thành, TP. Buôn Ma Thuột	KIS	02	X		X		
25.	Chi cục Thủy sản	Km 7 QL 14, TP. Buôn Ma Thuột	KIS	03	X		X		
26.	Chi cục Phát triển Nông thôn	36 Phan Chu Trinh, TP. Buôn Ma Thuột	KIS	00		X	X		Chưa công bố lại khi có sự thay đổi
27.	Chi cục Chăn nuôi Thú y	12 Lê Thị Hồng Gấm, TP. Buôn Ma Thuột	KIS	07	X		X		
28.	Chi cục Dân số KHHGD	16 Ngô Quyền, TP. Buôn Ma Thuột	KIS	00		X	X		Chưa công bố lại khi có sự thay đổi
29.	Chi cục An toàn VSTP	16 Ngô Quyền, TP. Buôn Ma Thuột	KIS	10	X		X		
30.	Chi cục Bảo vệ Môi trường	46 Phan Bội châu, TP. Buôn Ma Thuột	KIS	12	X		X		
31.	Chi cục Phòng chống tệ nạn xã hội	23 Trường Chinh, TP. Buôn Ma Thuột	KIS	02	X		X		
32.	Chi cục Quản lý thị trường	08 Nguyễn Công Trứ, TP. Buôn Ma Thuột	KIS	01	X		X		

33.	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Lô B2, TDP. 7, Phường Tân Lợi, TP. Buôn Ma Thuột	KIS	11	X		X			
34.	UBND huyện Krông Búk	Km 57, QL 14, huyện Krông Búk	KIS	224			X	X	Chưa công bố lại khi có sự thay đổi	
35.	UBND TP BMT	02 Lý Nam Đế, TP. Buôn Ma Thuột	KIS	37			X		X	Chưa công bố lại khi có sự thay đổi
36.	UBND Thị xã Buôn hồ	02 Trần Hưng Đạo, Thị xã Buôn hồ	KIS	106	X				X	
37.	UBND huyện Lắk	TT Liên Sơn, huyện Lắk	KIS	21	X			X		
38.	UBND huyện Krông Pắc	305 Giải Phóng, TT Phước An, huyện Krông Pắc	KIS	210	X				X	
39.	Văn phòng UBND huyện Ea H'leo	TT Ea Drăng, huyện Ea Hleo	KIS	171			X	X		Chưa công bố lại khi có sự thay đổi
40.	Phòng TC-KH huyện Ea H'leo	TT Ea Drăng, huyện Ea Hleo	KIS	24	X			X		
41.	Phòng TM-MT huyện Ea H'leo	TT Ea Drăng, huyện Ea Hleo	KIS	04			X	X		Chưa công bố lại khi có sự thay đổi
42.	Văn phòng UBND huyện Buôn Đôn	Trung tâm huyện Buôn Đôn	KIS	0	X				X	
43.	Phòng TC-KH huyện Buôn Đôn	Trung tâm huyện Buôn Đôn	KIS	23	X				X	
44.	Phòng TN-MT huyện Buôn Đôn	Trung tâm huyện Buôn Đôn	KIS	30	X				X	Chưa công bố lại khi có sự thay đổi

45.	Văn phòng UBND huyện Ea Súp	TT Ea Súp, huyện Ea Súp	KIS	101		X	X		Chưa công bố lại khi có sự thay đổi
46.	Phòng TC-KH huyện Ea Súp	TT Ea Súp, huyện Ea Súp	KIS	25		X	X		Chưa công bố lại khi có sự thay đổi
47.	Phòng TN-MT huyện Ea Súp	TT Ea Súp, huyện Ea Súp	KIS	23		X	X		Chưa công bố lại khi có sự thay đổi
48.	Văn phòng UBND huyện Ea Kar	TT Ea Kar, huyện Ea Kar	KIS	109	X		X		
49.	Phòng TC-KH huyện Ea Kar	TT Ea Kar, huyện Ea Kar	KIS	14	X		X		
50.	Phòng TN-MT huyện Ea Kar	TT Ea Kar, huyện Ea Kar	KIS	53		X	X		Chưa công bố lại khi có sự thay đổi
51.	Văn phòng UBND huyện Cư Kuin	Km 22, QL 27, huyện Cư Kuin	KIS	163		X	X		Chưa công bố lại khi có sự thay đổi
52.	Phòng TC-KH huyện Cư Kuin	Km 22, QL 27, huyện Cư Kuin	KIS	32		X	X		Chưa công bố lại khi có sự thay đổi
53.	Phòng TN-MT huyện Cư Kuin	Km 22, QL 27, huyện Cư Kuin	KIS	54	X		X		
54.	Văn phòng UBND huyện Krông Ana	TT Buôn Tráp, huyện Krông Ana	KIS	111	X			X	
55.	Phòng TC-KH huyện Krông Ana	TT Buôn Tráp, huyện Krông Ana	KIS	20	X			X	
56.	Phòng TM-MT huyện Krông Ana	TT Buôn Tráp, huyện Krông Ana	KIS	04	X			X	

57.	Văn phòng UBND huyện Krông Bông	TT Krông Kmar, huyện Krông Bông	KIS	144	X			X	
58.	Phòng TC-KH huyện Krông Bông	TT Krông Kmar, huyện Krông Bông	KIS	17		X		X	Chưa công bố lại khi có sự thay đổi
59.	Phòng TM-MT huyện Krông Bông	TT Krông Kmar, huyện Krông Bông	KIS	45	X		X		
60.	Văn phòng UBND huyện Krông Năng	TT Krông Năng, Krông Năng	KIS	-		X		X	- Chưa công bố lại khi có sự thay đổi - Chưa cung cấp đầy đủ thông tin
61.	Phòng TC-KH huyện Krông Năng	TT Krông Năng, Krông Năng	KIS	-		X		X	- Chưa công bố lại khi có sự thay đổi - Chưa cung cấp đầy đủ thông tin
62.	Phòng TM-MT huyện Krông Năng	TT Krông Năng, Krông Năng	KIS	-		X		X	- Chưa công bố lại khi có sự thay đổi - Chưa cung cấp đầy đủ thông tin
63.	Văn phòng UBND huyện M'Đrăk	41 Nguyễn Tất Thành - TT M'Đrăk - Huyện M'Đrăk	KIS	152	X		X		
64.	Phòng TC-KH huyện M'Đrăk	41 Nguyễn Tất Thành - TT M'Đrăk - Huyện M'Đrăk	KIS	07		X	X		Chưa công bố lại khi có sự thay đổi
65.	Phòng TM-MT huyện M'Đrăk	41 Nguyễn Tất Thành - TT M'Đrăk - Huyện M'Đrăk	KIS	08		X	X		Chưa công bố lại khi có sự thay đổi
66.	UBND huyện Cư M'gar	134 Hùng Vương, Quảng Phú, Cư M'gar	KIS	145		X	X		Chưa công bố lại khi có sự thay đổi

UBND cấp xã - TP. BMT									
67.	UBND P. Tân Lợi	Khối 6 ph. Tân Lợi	QMT	72	X		X		
68.	UBND P. Thành Nhất	Khối 4 ph. Thành Nhất	QMT	32	X		X		
69.	UBND P. Tân An	50 Nguyễn Chí Thanh	QMT	74	X		X		
70.	UBND Phường Tân Hòa	Khối 8 ph. Tân Hoà	QMT	79	X		X		
71.	UBND P. Tự An	15 Phạm Hồng Thái	QMT	72	X		X		
72.	UBND P. Tân Lập	71 Nguyễn Văn Cừ	QMT	52	X		X		
73.	UBND P. Thông Nhất	90 Y Jút	QMT	98	X		X		
74.	UBND P. Thành Công	109 Ng. Thị Minh Khai	QMT	54	X		X		
75.	UBND P. Thắng Lợi	50 Trần Phú	QMT	99	X			X	
76.	UBND P. Tân Tiến	143 Lê Hồng Phong	QMT	46	X		X		
77.	UBND P. Tân Thành	82A Mai Hắc Đế	QMT	58	X		X		
78.	UBND P. Khánh Xuân	178 Phan Huy Chú	QMT	59	X		X		
79.	UBND P. Ea Tam	358 Lê Duẩn	QMT	96	X		X		
80.	UBND xã Ea Tu	Thôn 4 xã Ea Tu	QMT	49	X			X	
81.	UBND xã Hòa Thuận	Thôn 6 xã Hoà Thuận	QMT	127	X		X		
82.	UBND xã Hòa Khánh	Thôn 18 xã Hoà Khánh	QMT	64	X		X		
83.	UBND xã Hòa Phú	Thôn 2 xã Hoà Phú	QMT	105	X		X		
84.	UBND xã Ea Kao	Thôn 3 xã EaKao	QMT	80	X			X	
85.	UBND xã Cư Êbur	Thôn 1 xã CưEbur	QMT	131	X		X		
86.	UBND xã Hòa Thắng	Số 10 Nguyễn Thái Bình	QMT	101	X		X		

87.	UBND xã Hòa Xuân	Thôn 4 xã Hoà Xuân	QMT	79	X		X		
UBND cấp xã – Thị xã Buôn Hồ									
88.	UBND P. An Bình	Số 23 Quang Trung	KIS	96	X		X		
89.	UBND P. An Lạc	Số 54 Nơ Trang Long, buôn Tring 2	KIS	94	X		X		
90.	UBND P. Bình Tân	1442 Hùng Vương - TDP1 – P. Bình Tân	KIS	105	X		X		
91.	UBND P. Đạt Hiếu	TDP 1, phường Đạt Hiếu, thị xã Buôn Hồ	KIS	72	X		X		
92.	UBND P. Đoàn Kết	Phường Đoàn Kết	KIS	92	X		X		
93.	UBND P. Thiện An	Phường Thiện An	KIS	100	X			X	
94.	UBND P. Thống Nhất	P.Thống Nhất	KIS	98			X		
95.	UBND xã Ea Siên	Thôn 1A, xã Ea Siên,	KIS	33	X			X	
96.	UBND xã Ea Drông	Buôn Pheo-Xã Ea Drông	KIS	78	X			X	
97.	UBND xã Ea Blang	Đông Xuân, Xã Ea Blang	KIS	109	X			X	
98.	UBND xã Bình Thuận	Bình Minh 3, Xã Bình Thuận	KIS	81	X		X		
99.	UBND xã Cư Bao	Thôn Tây Hà 4, xã Cư Bao	KIS	77	X		X		
UBND cấp xã – huyện Krông Búk									
100.	UBND xã Pong Drang	Thôn Tân Lập 4 xã Pong Drang	KIS	81	X			X	
101.	UBND xã Chư Kbo	Thôn Nam Anh, xã Chư Kbo	KIS	114	X			X	
102.	UBND xã Cư Né	Buôn Kdrô, xã Cư Né	KIS	-				X	
103.	UBND xã Cư Pong	xã Cư Pong	KIS	87	X		X		

104.	UBND xã Ea Sin	Cư M' Tao, Xã Ea Sin	KIS	76	X		X		
105.	UBND xã Ea Ngai	Thôn 2 - xã Ea Ngai	KIS	89	X			X	
106.	UBND xã Tân Lập	Thôn 2 xã Tân lập	KIS	109	X		X		

* Ghi chú: - 32 cơ quan in đậm: Các đơn vị kiểm tra tại trụ sở cơ quan. (còn lại kiểm tra qua báo cáo);

- KIS: Công ty TNHH Tư vấn khoa học và công nghệ KIS.

- QMT: Công ty TNHH tư vấn quản lý quốc tế và hỗ trợ kỹ thuật cao

- Tiêu chí đạt yêu cầu: đáp ứng được từ 70 % trở lên các yêu cầu theo điều khoản tại TCVN ISO 9001:2008 và các quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg (đối với kiểm tra qua báo cáo, các nội dung đơn vị không cung cấp trong báo cáo được xem như thực hiện chưa đạt yêu cầu)

